TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 698/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2025;
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Lê .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Nguyễn Hữu Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đỗ Văn T; Số CCCD: 035093001715 do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 04/01/2023; Hộ khẩu thường trú: thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; Nơi ở hiện tại: 3 ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Nguyễn Nhàn V; Số CCCD: 079199008606 do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 07/4/2023; Hộ khẩu thường trú: 1 Lô C P, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: 3 ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Nhàn V sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24/1019, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/4/2019. Khi kết hôn gia đình hai bên không có ai ngăn cản, cấm đoán cũng như cưỡng ép kết hôn, việc kết hôn của ông và bà V là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống cảm thấy không được hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến không có tiếng nói chung, làm cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm. Nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Nhàn V.

Về con chung: Ông T và bà V có hai con chung tên là Đỗ Gia B, sinh ngày 04/10/2019 và con chung tên Đỗ Xuân P, sinh ngày 01/12/2021. Sau khi ly hôn ông T trực tiếp nuôi dưỡng hai con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà Nguyễn Nhàn V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): ông T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Nhàn V nhưng bà V không đến Tòa, cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện, mặc dù đã được tòa tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo tham gia phiên họp cung cấp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà V đến tòa để giải quyết nhưng bà V vẫn không đến tòa để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*:

[1.1] Đây là vụ kiện ly hôn. Do bị đơn đang cư ngụ tại huyện H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Công an xã B, huyện H xác nhận đương sự Nguyễn Nhàn V, sinh năm 1993, đang thực tế cư trú, sinh sống tại 3 ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã thông báo triệu tập bà V đến Tòa để tham gia phiên tòa xét xử bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà V không đến tham gia. Từ đó có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà V là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thanh T1 là có cơ sở, nên chấp nhận.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại địa chỉ cư trú của bị đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự*:

[3.1] Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Nhàn V tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24/1019, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/4/2019. Như vậy, theo quy định tại Điều 5, Điều 8 và Điều 9, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì quan hệ hôn nhân và gia đình của ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Nhàn V có giá trị pháp lý.

[3.2] Nay ông Đỗ Văn T yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Nhàn V do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Qua thực tế xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của ông T và bà V, nhưng địa phương không trả lời. Tuy nhiên, qua lời khai của ông T thì bà V và ông T thường xuyên cãi nhau.

Bà Nguyễn Nhàn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ kiện, chứng tỏ bà V không có mong muốn được hàn gắn, đoàn tụ gia đình với ông T. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà V là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Văn T là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Ông T và bà V có hai con chung tên là Đỗ Gia B, sinh ngày 04/10/2019 và con chung tên Đỗ Xuân P, sinh ngày 01/12/2021. Sau khi ly hôn ông T trực tiếp nuôi dưỡng hai con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà Nguyễn Nhàn V cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cả 02 trẻ

Đỗ Gia B và Đỗ Xuân P đều do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà V đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Kết quả công khai chứng cứ, triệu tập nhiều lần nhưng không có ý kiến, nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của ông T là chính đáng, có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): ông T không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng do ông Đỗ Văn T phải nộp, được cấn trừ vào biên lai thu số 0047881 ngày 09/01/2025, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 91, 147, 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Nhàn V.

- Về con chung: Giao hai con chung tên là Đỗ Gia B, sinh ngày 04/10/2019 và con chung tên Đỗ Xuân P, sinh ngày 01/12/2021 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Đỗ Văn T không có yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà Nguyễn Nhàn V cho đến khi ông Đỗ Văn T có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông Đỗ Văn T Và bà Nguyễn Nhàn V phải thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Giấy chứng nhận kết hôn số 24/1019, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/4/2019 cho ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Nhàn V không còn giá trị pháp lý.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Ông Đỗ Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, được cấn trừ vào biên lai thu số 0047881 ngày 09/01/2025, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND TP Hồ Chí Minh ;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- UBND xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Lê